

Bản án số: **24/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày 29/4/2020.

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Phước Nghĩa

2/ Bà Đoàn Thanh Thúy

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên (vắng mặt).

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2019 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị B**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2012 chị Võ Thị B và anh Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh K; Anh chị được cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 09/10/2012. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó thì hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không ai nhường nhịn ai nên thường xuyên cự cãi nhau, thời gian gần đây anh S còn thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, chị B đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không khắc phục mà còn chơi bời nhiều hơn nên chị B đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó chị B và anh S đã sống ly thân với nhau cho đến nay đã hơn 01 năm. Tình cảm vợ chồng của chị B đối với anh S không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 18/5/2012, hiện nay đang do chị B nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nh và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B trình bày chị và anh S không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn S*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt và không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị B vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Võ Thị B thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh K nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án này thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và anh Nguyễn Văn S theo đúng quy định của pháp luật nhưng Kiểm sát viên vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Văn S được triệu tập đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt Kiểm sát viên và bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2012 chị Võ Thị B và anh Nguyễn Văn S đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/10/2012 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng sau thời gian chung sống với nhau chị B và anh S phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là về tình cảm vợ chồng, do bất đồng về quan điểm sống nên chị B và anh S thường xuyên cự cãi nhau; Theo chị B trình bày anh S thường xuyên rượu chè không lo làm ăn nên mâu thuẫn giữa chị B và anh S ngày càng trầm trọng, sau đó chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân với nhau thì anh S không liên lạc hay quan tâm gì đến vợ con nên chị cương quyết ly hôn với anh S, điều này thể hiện chị B và anh S đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng trong một thời gian dài.

Mặc khác; Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt, điều này thể hiện anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ nên chồng; đồng thời cũng theo Trưởng ban công tác mặt trận khu phố cung cấp, sau những lần cự cãi nhau chị B đều có trình báo với Ban lãnh đạo khu phố được biết, về mâu thuẫn vợ chồng chị B chủ yếu là do anh S rượu chè, cờ bạc, không lo làm ăn nên thường xuyên cự cãi nhau và hiện nay chị B cũng về nhà mẹ ruột của mình sinh sống, không còn ở khu phố Tri Tôn nữa.

Từ những cơ sở trên chứng tỏ hôn nhân giữa chị B và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cho chị Võ Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn S là phù hợp.

- *Về quan hệ con chung:* Chị B và anh S có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 18/5/2012.

Xét yêu cầu của chị B về việc xin được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nh; Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt thời gian chị B và anh S sống ly thân với nhau thì cháu Nguyễn Ngọc Huỳnh Nh được chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay; Theo lời trình bày của cháu Huỳnh Nh thì chị B chăm sóc, giáo dục cháu rất tốt nên cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với chị B sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Theo nguyện vọng cháu Huỳnh Nh, cũng như nhằm để ổn định cuộc sống và học tập sau này cho cháu Huỳnh Nh nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc Huỳnh Nh cho chị Võ Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị B không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai rằng vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 18/5/2012 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trong thời gian chị B nuôi con chung, anh S có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị B phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0009028, ngày 03/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị B không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Võ Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp